

Bản án số: 18 /2024/DS-PT

Ngày: 22-8-2024

V/v: Tranh chấp về xác định quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH:

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Khắc Hoàng, ông Hoàng Ngọc Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp về xác định quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án*” Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST, ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐ-PT ngày 30/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L; sinh năm 1993; địa chỉ: Số nhà I, ngõ A, đường N, tổ dân phố B, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T; sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Số nhà D, ngõ A, đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đâu Sang N; sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà D, ngõ A, đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh, có mặt

2. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh; Địa chỉ trụ sở: Số B, đường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Chấp hành viên là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2023, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ngân hàng N2; Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hải S – Phó giám đốc Ngân hàng N2 chi

nhánh tinh H là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2024; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Hoàng Thị N1; Sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Số nhà D, ngõ A, đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị Phương T có vay của chị Nguyễn Thị Mỹ L một khoản tiền. Tại Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 02/2023/QĐCNHGT-DS ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã quyết định: Chị Nguyễn Thị Phương T có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 516.000.000 đồng và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ. Sau khi Quyết định trên có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Phương T không tự nguyện trả tiền nên chị Nguyễn Thị Mỹ L đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh đã ra Quyết định thi hành án và tiến hành kê biên tài sản của chị T và anh N là Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, đã được Sở tài nguyên và môi trường tinh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 538343 ngày 19/5/2022 mang tên Đậu Sang N và Nguyễn Thị Phương T. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh đã thông báo cho chị T về việc tự phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng hết thời hạn chị T không thực hiện. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu của người phải thi hành án là chị Nguyễn Thị Phương T trong khối tài sản chung với anh Đậu Sang N tại thửa đất và tài sản gắn liền với đất nói trên.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía chị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đậu Sang N kết hôn vào ngày 14/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với mẹ chồng là bà Hoàng Thị N1 trên đất của mẹ chồng tại khối phố G phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau đó, bà N1 đã bán đất và nhà được 4.800.000.000 đồng để trả nợ và chia cho các con. Trong đó bà N1 cho anh N 1.800.000.000 đồng để mua đất nhà và ở cùng bà N1. Đến tháng 5 năm 2022, anh N dùng số tiền trên và vay thêm 800.000.000 đồng tại Ngân hàng N2 chi nhánh H để mua đất và nhà tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ tại số nhà D ngõ A đường T, tổ dân phố I, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi mua nhà và đất, chị T và anh N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng. Tiền mua đất nhà là 2.390.000.000 đồng, sau khi mua, anh chị đã nâng cấp sửa chữa nhà hết 58.000.000 đồng. Số tiền chị T vay của chị L là vay cá nhân không liên quan đến anh N, nhà và đất nói trên chủ yếu từ tài sản của anh N được thừa kế riêng, chị T chỉ đóng góp khoảng 100.000.000 đồng nên chị T chỉ được quyền sở hữu sử dụng đối với 10 đến 20% khối tài sản trên. Vì vậy, chị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía chị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh bà Nguyễn Thị Như Ý trình bày:

Ngày 23/5/2023, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh ban hành Quyết định thi hành án số 286/QĐ- CCTHADS theo đơn yêu cầu thi hành án của chị [Nguyễn Thị Mỹ L](#) buộc chị [Nguyễn Thị Phương T](#) phải trả số tiền 516.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 21/02/2023 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất 1,6%/tháng theo như thỏa thuận. Quá trình giải quyết việc thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh đã thực hiện việc thông báo các văn bản về thi hành án hợp lệ cho người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ kết quả xác minh, ngày 14/7/2023, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh ban hành Quyết định số 12/QĐ- CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất DE 538343 do [Sở T](#) cấp ngày 19/5/2022 mang tên anh [Đâu Sang N](#) và chị [Nguyễn Thị Phương T](#) theo quy định tại Điều 90 Luật thi hành án dân sự, nhưng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh chưa tổ chức kê biên. Ngày 19/7/2023, anh [Đâu Sang N](#) có ý kiến về việc tài sản nói trên là tài sản chung và duy nhất của vợ chồng, chưa thống nhất được về phân chia tài sản. Sau khi nhận được Thông báo số 28/TB- TLVA ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh về việc thụ lý vụ án “Xác định quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án”, ngày 11/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh ban hành Quyết định hoãn thi hành án theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 48 Luật thi hành án dân sự và chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Đối với các yêu cầu khởi kiện của các bên đương sự, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết theo quy định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [Ngân hàng N2](#) bà [Nguyễn Thị Hải S](#) trình bày:

Anh [Đâu Sang N](#) và chị [Nguyễn Thị Phương T](#) vay [Ngân hàng N2](#) – [Chi nhánh H](#) số tiền 1.000.000.000 đồng và sử dụng thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DE 538343 do [Sở T](#) cấp ngày 19/5/2022 để đảm bảo cho khoản vay nói trên theo Hợp đồng tín dụng số 3700-LAV-202201009/HĐTD ngày 26/5/2022, Hợp đồng tín dụng số 3700-LAV-202202036/HĐTD ngày 25/11/2022 và Hợp đồng thế chấp số 20220524/01/HĐTC. Tính đến ngày 11/4/2024, anh [N](#) và chị [T](#) còn nợ số tiền gốc: 1.000.000.000 đồng, lãi: 102.539.383 đồng, tổng cộng 1.102.539.383 đồng. Việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và anh [N](#), chị [T](#) được thực hiện đúng quy định pháp luật. Hợp đồng tín dụng hiện nay chưa đến hạn nên Ngân hàng chưa yêu cầu anh [N](#) và chị [T](#) thanh toán khoản nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn, [Ngân hàng N2](#) đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của Ngân hàng đối với tài sản bảo đảm nói trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST, ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã căn cứ các Điều 29, Điều 33, 34, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2, 4 Điều 213 Bộ luật Dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án Dân sự; khoản 12 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

Xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bị đơn chị [Nguyễn Thị Phương T](#) là ½ (50%) tổng giá trị thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích 173m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại [tổ dân phố I, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 538343 do [Sở T](#) cấp ngày 19/5/2022 mang tên anh [Đậu Sang N](#) và chị [Nguyễn Thị Phương T](#).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 08/5/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh [Đậu Sang N](#) kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo không bổ sung chứng cứ, tài liệu gì thêm.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, HĐXX, thư ký phiên tòa đã đề nghị Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh [Đậu Sang N](#), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp về xác định quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án*” là đúng theo quy định tại khoản 12 Điều 26 và giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 sửa đổi bổ sung năm 2022

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Mỹ L](#) xác định phần quyền sở hữu của chị [Nguyễn Thị Phương T](#) trong khối tài sản chung với anh [Đâu Sang N](#) là Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02 và tài sản gắn liền với đất tại [tổ dân phố I, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#):

[2.1.1] Về nguồn gốc thửa đất.

Chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và anh [Đâu Sang N](#) kết hôn ngày 14/11/2017. Ngày 11/5/2022, chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và anh [Đâu Sang N](#) đã nhận chuyển nhượng 01 quyền sử dụng đất có tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 02, diện tích 173m² có địa chỉ: [tổ dân phố A, phường B, thành phố H](#) của ông bà [Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị H](#). Quá trình nhận chuyển nhượng, anh [N](#) cũng như chị [T](#) không có văn bản thỏa thuận nào thể hiện quyền sử dụng đất này là tài sản riêng của ai. Sau khi nhận chuyển nhượng, hai vợ chồng chị [T](#), anh [N](#) đã được Sở tài nguyên và môi trường cấp Giấy CNQSD đất số DE 538343 ngày 19/5/2022 và đã sinh sống ổn định trên đất, cùng nhau mở quán bán hàng và thu nhập chung, do đó, đối chiếu Điều 33, 34 Luật hôn nhân gia đình, khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013, quyền sử dụng đất có tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích 173m² và tài sản gắn liền với đất tại [tổ dân phố I, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#) là tài sản chung của vợ chồng anh [Đâu Sang N](#) và chị [Nguyễn Thị Phương T](#).

[2.1.2] Xét công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung:

Theo trình bày của chị [T](#) và anh [N](#) thì khối tài sản trên được tạo lập từ số tiền 1.800.000.000 đồng của mẹ anh [N](#) là bà [Hoàng Thị N1](#) cho và 800.000.000 đồng vay tại [Ngân hàng N2 chi nhánh H](#), chị [T](#) chỉ có đóng góp khoảng 100.000.000 đồng khi nâng cấp sửa chữa nhà. Ngoài ra, tại đơn kháng cáo đề ngày 08/5/2024, anh [Đâu Sang N](#) khẳng định toàn bộ tiền mua nhà và đất là của bố mẹ anh [N](#) cho anh [N](#) để mua. Nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn chỉ cung cấp các tài liệu chứng cứ thể hiện sau khi ông [L1](#) chết, bà [Hoàng Thị N1](#) đã chuyển nhượng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 06 và tài sản gắn liền với đất tại [tổ dân phố G, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#) chia cho 5 con riêng của ông [L1](#) mỗi người 500.000.000 đồng, cho con gái chung của bà [N1](#) và ông [L1](#) 200.000.000 đồng; ngoài ra, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc anh [N](#) được bà [N1](#) tặng cho số tiền 1.800.000.000 đồng. Và cho đến tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh [N](#) cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới nào chứng minh cho việc bố mẹ anh [N](#) đã cho anh [N](#) toàn bộ số tiền để mua đất và nhà như anh [N](#) đã trình bày trong đơn kháng cáo.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 11/5/2022 thể hiện bên nhận chuyển nhượng là chị [T](#) và anh [N](#), giá trị chuyển nhượng là 850.000.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng anh [N](#), chị [T](#) có tiến hành cải tạo nhà hết 58.000.000 đồng. Tại Hợp đồng tín dụng số 3700-LAV-202201009/HĐTD ngày 26/5/2022 thể hiện anh [N](#) và chị [T](#) vay số tiền 800.000.000 đồng để bù đắp chi phí nhà và đất ở và Hợp đồng tín dụng số 3700-LAV-202202036/HĐTD ngày 25/11/2022 anh [N](#) và chị [T](#) vay số tiền 200.000.000 đồng để

bù đắp chi phí mua sắm nội thất gia đình. Như vậy, có căn cứ xác định tiền mua nhà đất và nâng cấp nhà có nguồn gốc từ tiền thu nhập chung của vợ chồng và tiền vay ngân hàng, số tiền này vợ chồng cùng vay, là tiền chung vợ chồng nên xác định công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung trên của anh N và chị T là ngang nhau.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 33, Điều 34, Điều 29, khoản 2, 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình xác định phần quyền sở hữu của chị Nguyễn Thi Phương T và anh Đâu S1 Nhật trong khối tài sản chung vợ chồng nói trên là ngang nhau, mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thi Mỹ L, xác định người phải thi hành án chị Nguyễn Thi Phương T có quyền sở hữu, quyền sử dụng trong khối tài sản chung gồm: 1/2 giá trị thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích 173m² và 1/2 giá trị tài sản gắn liền với đất tại tổ dân phố I, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 538343 do Sở T cấp ngày 19/5/2022 mang tên anh Đâu Sang N và chị Nguyễn Thi Phương T. Cụ thể theo Biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản của Hội đồng thẩm định lập ngày 12/4/2024 thì tổng trị giá tài sản chung của hai vợ chồng là: 1.520.040.000đ. Như vậy, phần trị giá tài sản mà chị T được hưởng trong khối tài sản chung của vợ chồng tương ứng với số tiền: 760.020.000đ.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đâu Sang N:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đâu Sang N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng chị T chỉ có đóng góp khoảng 100.000.000 đồng khi nâng cấp sửa chữa nhà nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Ngoài ra, anh Đâu Sang N còn đưa ra những lý do kháng cáo về khoản nợ giữa chị L và chị T là vượt quá phạm vi giải quyết tranh chấp của vụ án nên không xem xét

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thi Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đâu Sang N phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đâu Sang N, giữ nguyên

bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

2. Áp dụng các Điều 29, Điều 33, 34, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 2, 4 Điều 213 Bộ luật Dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án Dân sự; khoản 12 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bị đơn chị [Nguyễn Thị Phương T](#) là $\frac{1}{2}$ (50%) tổng giá trị thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, diện tích 173m² và $\frac{1}{2}$ (50%) giá trị toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại [tổ dân phố I, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#) có tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 538343 do [Sở T](#) cấp ngày 19/5/2022 mang tên anh [Đậu Sang N](#) và chị [Nguyễn Thị Phương T](#) tương ứng 760.020.000đ.

3. Về án phí: Buộc chị [Nguyễn Thị Phương T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị [Nguyễn Thị Mỹ L](#) số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001282 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

Anh [Đậu Sang N](#) phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT. Tính trừ cho anh [Đậu Sang N](#) trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001389 ngày 17/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND sơ thẩm;
- Chi Cục THA sơ thẩm;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Sỹ Hùng

Nguyễn Duy Minh

Lê Thanh Huyền